

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 43/2016/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại cuộc họp về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy

định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện đầu tư theo hình thức BOO và hình thức Hợp đồng BOT không thực hiện đúng tiến độ cam kết; Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung cam kết phát triển dự án các dự án nhà máy điện có công suất từ 30 MW trở lên đầu tư theo hình thức PPP và các dự án nhà máy điện có công suất từ 30 MW trở lên đầu tư không theo hình thức PPP do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện; cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Nhà đầu tư dự án nhà máy điện có công suất từ 30 MW trở lên đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng nhà máy điện đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Dự án nhà máy điện đầu tư theo hình thức Hợp đồng đối tác công tư (sau đây gọi tắt là dự án nhà máy điện PPP)* là dự án nhà máy điện do các nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là PPP) quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
2. *Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP* là nhà đầu tư (trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư thực hiện phát triển dự án) hoặc Tổ hợp nhà đầu tư (trong trường hợp có

nhiều nhà đầu tư tham gia liên danh góp vốn để thực hiện phát triển dự án) được giao quyền phát triển dự án nhà máy điện theo hình thức PPP;

3. *Chủ đầu tư dự án nhà máy điện đầu tư không theo hình thức PPP* là nhà đầu tư (trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư thực hiện phát triển dự án) hoặc Tổ hợp nhà đầu tư (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia liên danh góp vốn để thực hiện phát triển dự án) được giao quyền phát triển dự án không theo hình thức PPP;

4. *Quyền phát triển dự án* là quyền của Nhà đầu tư được thực hiện phát triển dự án theo quy định và pháp luật của Việt Nam sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho;

5. *Tài liệu dự án* là các tài liệu được sử dụng trong các dự án nhà máy điện đầu tư theo hình thức PPP, bao gồm: hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng thuê đất (LLA), các hợp đồng cung cấp nhiên liệu (nếu có), các hợp đồng khác (nếu có);

6. *Hợp đồng PPP* là hợp đồng ký kết giữa ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để thực hiện phát triển dự án theo các hình thức đối tác công tư quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

7. *Sự kiện bất khả kháng* là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy điện;

8. *MOU* là Biên bản ghi nhớ phát triển dự án nhà máy điện đầu tư theo hình thức PPP;

9. *Cam kết phát triển dự án* là văn bản cam kết của Chủ đầu tư dự án nhà máy điện đầu tư không theo hình thức PPP về các mốc tiến độ phát triển dự án nhà máy điện nhằm đảm bảo đúng tiến độ dự kiến đưa vào vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

10. *Mốc tiến độ phát triển dự án* là các mốc thời gian gắn với công việc có ý nghĩa quyết định đối với tiến độ triển khai, hoàn thành dự án;

11. *Văn bản giao quyền phát triển dự án* là văn bản hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc của cấp có thẩm quyền thông báo về việc giao quyền phát triển dự án cho Nhà đầu tư hoặc Tổ hợp nhà đầu tư;
12. *FS* là chữ viết tắt của Báo cáo nghiên cứu khả thi;
13. *PPA* là chữ viết tắt của Hợp đồng mua bán điện;
14. *LLA* là chữ viết tắt của Hợp đồng thuê đất.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN PPP

Điều 4. Thời hạn ký Biên bản ghi nhớ

Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày được giao quyền phát triển Dự án nhà máy điện PPP, Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP và Bộ Công Thương thực hiện ký kết MOU.

Điều 5. Nội dung Biên bản ghi nhớ

Ngoài các nội dung về phát triển dự án nhà máy điện PPP theo quy định, MOU phải bao gồm thêm các nội dung sau:

1. Quy định quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP và Bộ Công Thương trong quá trình thực hiện đầu tư dự án nhà máy điện nhằm đảm bảo đúng tiến độ dự kiến đưa vào vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Kế hoạch thực hiện dự án gồm tối thiểu các mốc tiến độ phát triển dự án sau:
 - a) Tiến độ lập và phê duyệt Quy hoạch địa điểm (nếu có), bao gồm: Ngày trình; ngày phê duyệt;
 - b) Tiến độ lập và phê duyệt FS, bao gồm: Ngày trình; ngày phê duyệt;
 - c) Kế hoạch đàm phán Hợp đồng PPP và các tài liệu liên quan;
 - d) Lịch trình đàm phán các tài liệu liên quan: PPA, LLA, hợp đồng EPC và các hợp đồng cung cấp nhiên liệu (nếu có); các hợp đồng khác (nếu có);
 - đ) Tiến độ ký tất các tài liệu dự án;
 - e) Ngày nộp Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; ngày ký chính thức các tài liệu dự án và Hợp đồng PPP;
 - g) Tiến độ đóng tài chính;

h) Tiến độ khởi công và xây dựng, bao gồm: Ngày khởi công dự án; ngày vận hành thương mại từng tổ máy; ngày vận hành thương mại toàn bộ nhà máy.

Điều 6. Điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án nhà máy điện PPP

Trường hợp dự án có nguy cơ chậm tiến độ so với các mốc tiến độ phát triển dự án đã cam kết tại MOU, Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP phải có trách nhiệm nỗ lực tìm các biện pháp giải quyết vướng mắc để đảm bảo hoàn thành các mốc tiến độ được giao. Bộ Công Thương và Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP chỉ thực hiện điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án tại MOU quy định tại các điểm a, b, c, d, đ Khoản 2 Điều 5 Thông tư này trong các trường hợp sau:

1. Bị chậm do xảy ra sự kiện bất khả kháng: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi rơi vào tình trạng bất khả kháng, Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Công Thương và đề nghị điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Bộ Công Thương có văn bản gửi Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP có ý kiến đối với sự kiện bất khả kháng của Chủ đầu tư để làm cơ sở mời Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP cùng thực hiện việc ký kết điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án tại MOU.

2. Dự án không đạt được mốc tiến độ cam kết do hành vi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hạng mục công việc tại mốc tiến độ đó:

a) Chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi bị chậm mốc tiến độ cam kết, Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP phải có văn bản gửi Bộ Công Thương đề nghị điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án và giải trình các nguyên nhân làm chậm mốc tiến độ do hành vi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hạng mục công việc tại mốc tiến độ đó. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Bộ Công Thương có văn bản gửi Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP có ý kiến đối với các nguyên nhân làm chậm mốc tiến độ không phải lỗi của Chủ đầu tư để làm cơ sở mời Chủ đầu tư dự án nhà máy điện PPP cùng thực hiện việc ký kết điều chỉnh các mốc tiến độ phát triển dự án tại MOU.